

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-LĐTĐBXH

Đắk R'Lấp, ngày tháng năm 2023

V/v hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng cho đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của HĐND tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây viết tắt là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2021/TT- BLĐTBXH);

Căn cứ Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và một số đối tượng khó khăn khác (ngoài đối tượng quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ) được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND);

Thực hiện Công văn số 1269/LĐTĐBXH-BTXH&PCTN ngày 09/8/2023 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh về việc hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng cho đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của HĐND tỉnh.

Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nghiên cứu, triển khai hồ sơ, thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng cho đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND, như sau:

I. Hồ sơ, thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng khó khăn khác quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND

1. Hồ sơ, thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng

1.1. Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND

a) Hồ sơ thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng: Thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (Mẫu số 1a);

b) Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng: Thực hiện theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

1.2. Trẻ em từ đủ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND

a) Hồ sơ thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng: Thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (Mẫu số 1a);

b) Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng: Thực hiện theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Ngoài giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, đối tượng, người giám hộ của đối tượng hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan khi nộp hồ sơ (tùy thuộc vào từng đối tượng cụ thể) cần xuất trình một trong những giấy tờ sau để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu các thông tin kê khai:

- Giấy xác nhận khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng của cha và mẹ trẻ.
- Quyết định của Tòa án đối với trường hợp: Cha hoặc mẹ trẻ mất tích; trong thời gian đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- Quyết định tiếp nhận cha hoặc mẹ của trẻ vào chăm sóc nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

1.3. Người thuộc diện quy định tại điểm b khoản 2 Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi

a) Hồ sơ thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng: Thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (Mẫu số 1a);

b) Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng: Thực hiện theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

1.4. Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc diện quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang sống tại địa bàn không thuộc xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND

a) Hồ sơ thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng: Thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (Mẫu số 1d);

b) Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng: Thực hiện theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Ngoài giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, đối tượng, người giám hộ của đối tượng hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan khi nộp hồ sơ cần xuất trình giấy tờ sau để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu các thông tin kê khai:

- Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo của UBND cấp xã.

2. Thời gian hưởng trợ cấp, thôi hưởng, điều chỉnh trợ cấp xã hội hàng tháng

2.1. Thời gian hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND kể từ tháng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng;

2.2. Thời gian điều chỉnh mức trợ cấp xã hội hàng tháng kể từ tháng đối tượng đủ điều kiện điều chỉnh.

2.3. Trường hợp đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng bị chết hoặc đối tượng không còn đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Thủ tục thôi hưởng, tạm dừng trợ cấp xã hội hàng tháng được thực hiện theo Điều 2 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH.

2.4. Thời gian thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng kể từ tháng ngay sau tháng đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng chết hoặc không đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội.

*** Lưu ý:**

- Những trường hợp đủ điều kiện hưởng trợ cấp kể từ thời điểm Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thì thời gian hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được tính kể từ tháng 8 năm 2023 và Quyết định trợ cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành không quá ngày 30/9/2023. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký quyết định hưởng trợ cấp sau ngày 30/9/2023 thì thời gian hưởng kể từ tháng Ủy ban nhân dân cấp huyện ký ban hành quyết định.

- Đối với trường hợp các đối tượng phát sinh mới (như đối tượng phát sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm; mới sinh, đủ tuổi hưởng chính sách,...) thì thời điểm hưởng trợ cấp hàng tháng kể từ tháng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký ban hành Quyết định.

3. Hồ sơ, thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng: Thực hiện theo khoản 3 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (Mẫu số 04);

b) Thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng: Thực hiện theo khoản 4 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

4. Chính sách bảo hiểm y tế

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

II. Lập dự toán, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội

1. Lập dự toán hàng năm

Căn cứ số đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và các đối tượng khó khăn khác được hưởng chính sách trợ giúp xã hội quy định tại Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND, UBND cấp huyện lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính cùng thời điểm lập dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó đề nghị chi tiết về số đối tượng và kinh phí thực hiện theo từng chính sách nội dung trợ giúp xã hội.

2. Thanh toán và quyết toán kinh phí

Thực hiện thanh toán và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

III. Công tác thông tin, báo cáo định kỳ

Định kỳ 6 tháng (trước 30/6) và hàng năm (trước 31/12) các UBND các xã, thị trấn tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND và gửi kèm theo bảng tổng hợp số liệu kết quả thực hiện chính sách theo các mẫu 10a 10b 10c và 10d ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP về UBND huyện (*thông qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để*) tổng hợp báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện (b/c);
- Phòng TC - KH (p/h);
- Lưu: VT, LĐ.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Thị Kiều Linh

